

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Số: /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực người có công, lao động tiền lương và bảo hiểm xã hội, an toàn vệ sinh lao động, việc làm, quản lý lao động ngoài nước, quản lý nhà nước về hội quỹ thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của Sở Nội vụ và Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026;

Căn cứ Quyết định số 964/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết không phụ thuộc địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 161/TTr-SNV ngày 15 tháng 9 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực người có công, lao động tiền lương và bảo hiểm xã hội, an toàn vệ sinh

lao động, việc làm, quản lý lao động ngoài nước, quản lý nhà nước về hội quỹ thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở Nội vụ và Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung các bước tiếp nhận, chuyển kết quả giải quyết và trả kết quả của quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính tương ứng trong lĩnh vực người có công, lao động tiền lương và bảo hiểm xã hội, an toàn vệ sinh lao động, việc làm, quản lý lao động ngoài nước, quản lý nhà nước về hội quỹ thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi được ban hành tại Quyết định số 964/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (có *Danh mục thủ tục hành chính và Phụ lục Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính kèm theo*).

2. Nội dung quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính tương ứng trong lĩnh vực người có công, lao động tiền lương và bảo hiểm xã hội, an toàn vệ sinh lao động, việc làm, quản lý lao động ngoài nước, quản lý nhà nước về hội quỹ đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại các Quyết định: Số 1117/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025; số 892/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2025; số 1044/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025; số 1048/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2025; số 1120/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2025 vẫn còn hiệu lực thi hành.

3. Đối với hồ sơ thủ tục hành chính đã được cung cấp dịch vụ công trực tuyến thì Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, cấp xã thực hiện cung cấp thông tin, **ưu tiên hỗ trợ, hướng dẫn** tổ chức, cá nhân thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn>.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan

1. Sở Nội vụ chịu trách nhiệm chỉ đạo, theo dõi, giám sát và thực hiện việc giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng Quy trình nội bộ được phê duyệt tại Quyết định này.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện kiểm soát việc chấp hành Quy trình nội bộ, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất xử lý trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, cá nhân vi phạm theo quy định.

3. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan, căn cứ Quyết định này xây dựng, thiết lập quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng Quy trình nội bộ được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Khoa học và Công nghệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, KGVX, NC;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TTHC(x). *Tham*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hoàng Giang

PHỤ LỤC
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THỰC HIỆN TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT KHÔNG PHỤ
THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG
NGÃI THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT CỦA
SỞ NỘI VỤ VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN,
TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI
HÀNH CHÍNH

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện
A	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NỘI VỤ		
I	Lĩnh vực người có công		
1	1.010805.000.00.00.H48	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	Cấp tỉnh; cấp xã
2	1.010811.000.00.00.H48	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	Cấp tỉnh; cấp xã
3	1.010812.000.00.00.H48	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	Cấp tỉnh; cấp xã
4	1.010813.000.00.00.H48	Đưa người có công đối với trường hợp đang được nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý về nuôi dưỡng tại gia đình	Cấp tỉnh; cấp xã
5	1.010814.000.00.00.H48	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	Cấp tỉnh; cấp xã

6	1.010815.000.00.00.H48	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	Cấp tỉnh; cấp xã
7	1.010819.000.00.00.H48	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	Cấp tỉnh; cấp xã
8	1.010820.000.00.00.H48	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	Cấp tỉnh; cấp xã
9	1.010821.000.00.00.H48	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Cấp tỉnh; cấp xã
10	1.010822.000.00.00.H48	Giải quyết phụ cấp đặc biệt hằng tháng đối với thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	Cấp tỉnh; cấp xã
11	1.010828.000.00.00.H48	Cấp trích lục hoặc sao hồ sơ người có công với cách mạng	Cấp tỉnh; cấp xã
12	1.010829.000.00.00.H48	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Cấp tỉnh; cấp xã
13	1.010829.000.00.00.H48	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Cấp tỉnh; cấp xã
II Lĩnh vực lao động tiền lương và bảo hiểm xã hội			
14	1.000436.000.00.00.H48	Thu hồi giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Cấp tỉnh
15	1.000448.000.00.00.H48	Cấp lại giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Cấp tỉnh
16	1.000464.000.00.00.H48	Gia hạn giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Cấp tỉnh
17	1.000479.000.00.00.H48	Cấp giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Cấp tỉnh
18	1.009466.000.00.00.H48	Thành lập Hội đồng thương lượng tập thể	Cấp tỉnh
19	1.009467.000.00.00.H48	Thay đổi chủ tịch Hội đồng thương lượng tập thể, đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch, thời gian hoạt động của Hội đồng thương lượng tập thể	Cấp tỉnh

20	2.001955.000.00.00.H48	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	Cấp tỉnh
21	1.000414.000.00.00.H48	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	Cấp tỉnh
III Lĩnh vực an toàn vệ sinh lao động			
22	1.005449.000.00.00.H48	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)	Cấp tỉnh
23	1.005450.000.00.00.H48	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, đổi tên Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)	Cấp tỉnh
24	2.000111.000.00.00.H48	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho doanh nghiệp	Cấp tỉnh
25	2.000134.000.00.00.H48	Khai báo với Sở Nội vụ địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	Cấp tỉnh
26	1.013723.H48	Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	Cấp tỉnh
IV Lĩnh vực việc làm			
27	2.000888.H48	Tham gia bảo hiểm thất nghiệp	Cấp tỉnh
28	1.001978.000.00.00.H48	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp	Cấp tỉnh

29	1.001973.000.00.00.H48	Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp	Cấp tỉnh
30	1.001966.000.00.00.H48	Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp	Cấp tỉnh
31	2.001953.000.00.00.H48	Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp	Cấp tỉnh
32	2.000178.000.00.00.H48	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đi)	Cấp tỉnh
33	1.000401.000.00.00.H48	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đến)	Cấp tỉnh
34	1.000362.000.00.00.H48	Thông báo về việc tìm kiếm việc làm hàng tháng	Cấp tỉnh
35	1.001865.000.00.00.H48	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Cấp tỉnh
36	1.001853.000.00.00.H48	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Cấp tỉnh
37	1.001823.000.00.00.H48	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Cấp tỉnh
38	1.009874.000.00.00.H48	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Cấp tỉnh
39	1.009873.000.00.00.H48	Thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Cấp tỉnh
40	1.014196.H48	Cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Cấp tỉnh
41	1.014197.H48	Cấp lại giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Cấp tỉnh
42	1.014198.H48	Gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Cấp tỉnh
43	1.014199.H48	Cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Cấp tỉnh
44	1.014200.H48	Cấp lại giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Cấp tỉnh
45	1.014201.H48	Gia hạn giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Cấp tỉnh
V	Lĩnh vực quản lý lao động ngoài nước		
46	1.013727.H48	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập từ	Cấp tỉnh

		90 ngày trở lên	
47	1.013728.H48	Báo cáo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của tổ chức, cá nhân Việt Nam đầu tư ra nước ngoài	Cấp tỉnh
48	1.013729.H48	Báo cáo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của doanh nghiệp trúng thầu, nhận thầu công trình, dự án ở nước ngoài	Cấp tỉnh
49	1.013731.H48	Đăng ký hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài	Cấp tỉnh
50	1.005132.000.00.00.H48	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày	Cấp tỉnh
51	1.013733.H48	Chuẩn bị nguồn lao động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Cấp tỉnh
52	1.013734.H48	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết	Cấp tỉnh
VI	Lĩnh vực quản lý nhà nước về hội, quỹ		
53	1.013017.H48	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	Cấp tỉnh; cấp xã
54	1.013018.H48	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ	Cấp tỉnh; cấp xã
55	1.013019.H48	Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	Cấp tỉnh; cấp xã
56	1.013020.H48	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	Cấp tỉnh; cấp xã
57	1.013021.H48	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	Cấp tỉnh; cấp xã
58	1.003920.000.00.00.H48	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ	Cấp tỉnh; cấp xã
59	1.013023.H48	Quỹ tự giải thể	Cấp tỉnh; cấp xã
B	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ		
I	Lĩnh vực người có công		
1	1.013750.H48	Thăm viếng mộ liệt sĩ	Cấp xã

2	1.010833.H48	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	Cấp xã
II	Lĩnh vực quản lý lao động ngoài nước		
3	1.013734.H48	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết	Cấp xã
III	Lĩnh vực quản lý nhà nước về hội, quỹ		
4	1.013702.H48	Công nhận ban vận động thành lập hội	Cấp xã
5	1.013703.H48	Thành lập hội	Cấp xã
6	1.013704.H48	Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	Cấp xã
7	1.013706.H48	Thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	Cấp xã
8	1.013757.H48	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	Cấp xã
9	1.013708.H48	Hội tự giải thể	Cấp xã
10	1.013709.H48	Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	Cấp xã
11	1.013711.H48	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	Cấp xã
12	1.013712.H48	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ	Cấp xã
13	1.013713.H48	Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	Cấp xã
14	1.013714.H48	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	Cấp xã
15	1.013715.H48	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	Cấp xã
16	1.013707.H48	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	Cấp xã
17	1.013717.H48	Quỹ tự giải thể	Cấp xã

II. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH

1. Bổ sung “Bước 1a. Tiếp nhận phi địa giới” vào trước “Bước 1. Nộp hồ sơ”:

Lưu ý: Trường hợp thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính thì thực hiện bước này (Bước 1a) và chuyển đến Bước 2 kế tiếp, không thực hiện Bước 1. Nộp hồ sơ.

- Nội dung công việc:

+ Hướng dẫn, kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ (ghi nhận yêu cầu về hình thức, địa điểm trả kết quả) và gửi Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

+ Nhập dữ liệu thông tin hồ sơ vào Hệ thống.

+ Thực hiện sao chụp, số hóa và lưu trữ hồ sơ điện tử.

+ Trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì trả lại và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ và nêu rõ lý do từ chối theo quy định của pháp luật.

+ Chuyển ngay hồ sơ điện tử về các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, chi cục, đơn vị trực thuộc Sở Nội vụ hoặc phòng thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã; chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền chủ trì giải quyết qua dịch vụ bưu chính theo quy định.

+ Đồng thời, chuyển thông tin về hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính đến Trung tâm Phục vụ hành chính công của cơ quan có thẩm quyền để giám sát, đôn đốc.

- Đơn vị/người thực hiện: Tổ chức, cá nhân; công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, cấp xã.

- Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính.

- Kết quả thực hiện: Hồ sơ; các mẫu phiếu, giấy tờ liên quan theo quy định.

2. Tại Bước. Phát hành và chuyển kết quả giải quyết: Sửa đổi, bổ sung trách nhiệm của người/đơn vị phát hành kết quả giải quyết thực hiện việc chuyển kết quả giải quyết (*hồ sơ kèm theo theo quy định (nếu có)*) đến cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, cấp xã nơi tiếp nhận hồ sơ hoặc chuyển theo dịch vụ bưu chính đến địa điểm đăng ký để trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

3. Bổ sung “Bước cuối. Trả kết quả phi địa giới”:

- Nội dung công việc:

+ Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

+ Ký xác nhận việc nhận kết quả trên mẫu phiếu theo quy định (nếu có).

+ Thu lại các mẫu phiếu, giấy tờ theo quy định (nếu có), gửi lại cơ quan chủ trì giải quyết thủ tục hành chính hoặc lưu trữ theo quy định.

+ Mời tổ chức, cá nhân đánh giá mức độ hài lòng.

+ Kết thúc hồ sơ trên phần mềm một cửa điện tử.

- Đơn vị/người thực hiện: Tổ chức, cá nhân; công chức, viên chức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, cấp xã nơi tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân.

- Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính.

- Kết quả thực hiện: Hồ sơ; các mẫu phiếu, giấy tờ liên quan theo quy định.
